TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 3 – 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn An Lạc, xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989;

Nơi ĐKHKTT: Thôn An Lạc, xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn Vàng, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh Th, chị T (anh Th có đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Anh và Chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 13/11/2008. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì gần đây giữa anh và chị T phát sinh mâu Tẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống

chung căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh và chị T hiện đã sống ly thân nhau, không còn quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh giữ nguyên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 11/02/2010; Nguyễn Thị Tâm A, sinh này 19/01/2016 và Nguyễn Ba M, sinh ngày 25/4/2018. Hiện cả 03 con chung đang ở cùng anh. Chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh xin được nuôi dưỡng cháu V, cháu M, để chị T nuôi dưỡng cháu A. Vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập chị Nguyễn Thị T đến làm việc nhưng chị T vắng mặt không lý do.

Tòa án đã cùng với địa phương xã Yên Bình làm việc với chị Nguyễn Thị T – chị T cho biết: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Th trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 13/11/2008. Quá trình Tòa án giải quyết theo đơn ly hôn của anh Th chị đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, các văn bản tố tụng tuy nhiên do chị đang phải điều trị bệnh nên không có tâm trí và thời gian để lên Tòa án giải quyết theo đơn ly hôn của anh Th, anh Th không có tình người trong lúc chị đang ốm đau mà lại làm đơn nên chị không đến Toà án làm việc và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của anh Thắng. Về con chung: Chị và anh Th có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 11/02/2010; Nguyễn Thị Tâm A, sinh này 19/01/2016 và Nguyễn Ba M, sinh ngày 25/4/2018 hiện cả ba con chung đang ở cùng anh Th. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng 01 con chung, cháu nào cũng được.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của địa phương xã Yên Bình cho biết: Hiện nay chị Nguyễn Thị T đang cư trú tại nhà mẹ đẻ tại thôn Vàng, xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Mâu Tẫn vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quá trình Tòa án thụ lý theo đơn của anh Nguyễn Văn Th địa phương đã kết hợp với Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, hướng dẫn chị T viết bản tự khai nhưng chị T từ chối viết. Chị T có trình bày quan điểm nhưng từ chối ký biên bản. Quan điểm

của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án theo đúng pháp luật.

3. Trong đơn đề nghị của cháu Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 11/02/2010 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng bố là anh Nguyễn Văn Th. Trong đơn đề nghị của cháu Nguyễn Thị Tâm A, sinh ngày 19/01/2016 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng mẹ là chị Nguyễn Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, anh Th có mặt, chị T vắng mặt. Anh Th có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, chứng khai chứng cứ cho chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Anh Th xin giải quyết vắng mặt. Chị T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của anh Th đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 11/02/2010 và cháu Nguyễn Ba M, sinh ngày 25/4/2018 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thị Tâm A, sinh này 19/01/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Th phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Th có đề nghị xin xét xử vắng mặt, chị T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Khánh, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì gần đây có phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân là do giữa anh, chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị xin ly hôn với chị T. Về phía chị T, mặc dù chị biết việc anh Th xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng chị T vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ chị không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với anh Th nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng chị T vẫn vắng mặt. Anh Th đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và đề nghị xin ly hôn chị T nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu Tẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của anh Th, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Th và chị T có 03 con chung là Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 11/02/2010; Nguyễn Thị Tâm A, sinh này 19/01/2016 và Nguyễn Ba M, sinh ngày 25/4/2018 hiện cả ba con chung đang ở cùng anh Th. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, chị T có đề nghị xin trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung (cháu nào cũng được), anh Th có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu V, cháu M, để chị T nuôi

dưỡng cháu A và nguyện vọng của cháu Vân xin ở cùng anh Th, cháu A xin được ở cùng chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Vân, cháu Mười cho anh Th nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp để các cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh Th, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 11/02/2010 và Nguyễn Ba M, sinh ngày 25/4/2018 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung cháu Nguyễn Thị Tâm A, sinh này 19/01/2016 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Nguyễn Văn Th phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003732, ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh Th đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Nguyễn Văn Th và chị Nguyễn Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả Tận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Khánh;
- UBND xã Yên Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Minh